

Động lực học tập của sinh viên Khoa Tài chính - Thương mại Hutech

 **Trịnh Xuân Hưng* - Trần Nam Trung***

Nhận: 10/12/2020

Biên tập: 15/12/2020

Duyệt đăng: 22/12/2020

Bài viết này trình bày kết quả nghiên cứu về động lực học tập của Sinh viên Khoa Tài chính - Thương mại, Trường Đại học Công nghệ TP.HCM (Hutech). Công bố này là một phần trong đề tài nghiên cứu khoa học giảng viên, một phần nhỏ của công trình nghiên cứu này đã được công bố trên Tạp chí Kế toán & Kiểm toán, số tháng 12/2019 dưới dạng đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên. Bài báo sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, dưới sự trợ giúp của phần mềm SPSS22.

Từ khóa: Động lực; động lực học tập; sinh viên; kế toán; tài chính.

1. Đặt vấn đề

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của sinh viên khoa Tài chính - Thương mại nói riêng và của Trường Đại học Công nghệ TP.HCM (Hutech) nói chung, thì giảng viên và sinh viên phải liên tục nghiên cứu tìm hiểu và đổi mới các phương pháp giảng dạy, học tập. Tìm hiểu về động lực học tập của sinh viên cũng là để biết thêm một trong số những nguyên nhân để đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm đạt được mục tiêu, đáp ứng nhu cầu cung cấp nguồn nhân lực cao cho các doanh nghiệp trong thời đại hội nhập.

2. Một số khái niệm cơ bản

Động lực (Motivation)

Động lực là một yếu tố quan trọng để đạt thành công trong quá trình dạy và học, do động lực giúp con người sống có mục đích để đạt được mục tiêu đề ra.

Đến nay, có rất nhiều khái niệm về động lực. Chẳng hạn, Pinder (1988) giải thích những khó khăn khi nêu định nghĩa động lực, có lẽ

bởi vì có quá nhiều “định hướng mang tính triết học về bản chất con người và về những điều có thể biết về con người”. Ông cho rằng, động lực là “một tập hợp các năng lượng có nguồn gốc từ cả bên trong lẫn bên ngoài của một cá nhân để bắt đầu một hành vi có liên quan có xác định hình thức, định hướng, cường độ và thời gian”.

Có hai điểm đáng chú ý trong định nghĩa mà Pinder đưa ra: Thứ nhất, động lực được xác định là một tập hợp các năng lượng, tức là có thể tạo ra hoạt động của con người từ tập hợp năng lượng này; Thứ hai, tập hợp năng lượng này có ý nghĩa, nó có thể tích cực hoặc tiêu cực, để tạo nên hình thức, định hướng, cường độ hành vi của con người. Điều này giải thích con người được thúc đẩy để thực hiện điều gì và họ sẽ đạt được thành công như thế nào khi thực hiện theo những điều đó, khi nào họ sẽ dừng lại.

Động lực là động cơ thúc đẩy tất cả các hành động của con người.

Đây là một trạng thái nội tại, cung cấp sinh lực và hướng con người vào những hành vi có mục đích. Nền tảng của động lực là các cảm xúc, mà cụ thể nó dựa trên sự né tránh những trải nghiệm cảm xúc tiêu cực và tìm kiếm những cảm xúc tích cực. (Theo cuốn “Đàm phán giải phóng con tin”, George Kohlrieser).

Động lực là sự khát khao và tự nguyện của con người, nhằm tăng cường sự nỗ lực để đạt được mục đích hay một kết quả cụ thể (Nói cách khác động lực bao gồm tất cả những lý do khiến con người hành động. Động lực cũng chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố, các nhân tố này luôn thay đổi và khó nắm bắt (Trích Trang 2, “Các khái niệm cơ bản về tạo động lực lao động”, Đại học Kinh tế Quốc Dân).

Học tập

Học tập là hoạt động cơ bản nhất và quan trọng nhất đối với mỗi sinh viên ở các trường đại học, cao đẳng và hoạt động này chỉ có thể phát huy tác dụng to lớn khi có sự kích thích của động cơ. Có rất nhiều định nghĩa khác nhau về hoạt động học tập:

Theo từ điển Tiếng Việt của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Ngôn ngữ học, “học tập là học và luyện tập để hiểu biết và có kỹ năng”.

*** Khoa Tài chính - Thương mại, Trường Đại học Công nghệ TP.HCM (Hutech)**

L.B.Enconhin nêu lên việc lĩnh hội tri thức là nội dung cơ bản của hoạt động học tập và được xác định bởi cấu trúc và mức độ phát triển của hoạt động học tập.

I.B.Intenxon xác định học tập là loại hoạt động đặc biệt của con người có mục đích nắm vững những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và các hình thức nhất định của hành vi. Nó bao gồm cả ý nghĩa nhận thức và thực tiễn.

Động lực học tập (Learning Motivation)

Khái niệm động lực học tập của sinh viên có thể quan niệm là cái thúc đẩy sinh viên tích cực học tập. Sự hình thành động lực học tập của sinh viên là tổ hợp các nhân tố: tâm lý, kinh tế, xã hội, tổ chức quản lý, cơ chế chính sách,... Tuy nhiên, không thể quan niệm động lực học tập chính là tính tích cực học tập, mà động lực học tập là cái tạo nên sự thúc đẩy gồm nhiều nhân tố.

Động lực học tập của sinh viên phản ánh mức độ định hướng, tập trung và nỗ lực của sinh viên trong quá trình học tập những nội dung của môn học (Nguyễn Đình Thọ và cộng sự, 2013).

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Nghiên cứu định tính là việc nhóm tác giả tìm đọc các tài liệu có liên quan đến động lực học tập của sinh viên. Chắt lọc và hệ thống lại các khái niệm, định nghĩa và mô hình nghiên cứu của các nghiên cứu trước để xây dựng mô hình nghiên cứu sơ bộ. Sau khi có được mô hình nghiên cứu sơ bộ, nhóm tác giả trao đổi với một nhóm nhỏ các chuyên gia là đồng nghiệp để hiệu chỉnh và cho ra mô hình nghiên cứu ban đầu (Hình 1).

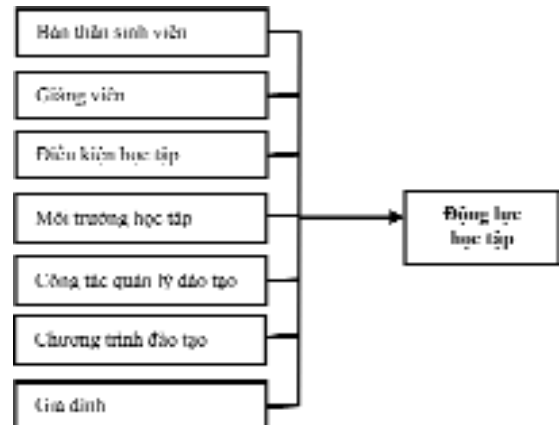
Từ mô hình nghiên cứu ban đầu, nhóm tác giả tiến hành xây dựng bảng câu hỏi khảo sát. Nghiên cứu định lượng là việc nhóm tác giả tiến hành khảo sát số liệu thực tế từ các bạn sinh viên đang theo học tại Khoa Tài chính - Thương mại, Trường Đại học Công nghệ TP.HCM. Sau khi có được số liệu nhóm tác giả tiến hành thực hiện việc chọn lọc và phân tích dữ liệu thông qua phần mềm SPSS22.

4. Kết quả nghiên cứu

Sau khi phân tích thống kê mô tả, nhóm tác giả thực hiện phương pháp làm sạch dữ liệu bằng phương pháp phân tích Cronbach Alpha cho tất cả các biến độc lập và biến phụ thuộc. Kết quả cho thấy, các biến đều có Cronbach Alpha biến tổng lớn hơn 0.6 và Cronbach Alpha của từng quan sát trong nhân tố đều lớn hơn 0,3 nên đạt yêu cầu (theo Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008). Từ đây, tác giả thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA (Bảng 1). Kết quả phân tích EFA, hệ số KMO = 0.890 cho ta thấy, các biến đưa vào phân tích nhân tố là thích hợp.

Giải thích các nhân tố được thực hiện trên cơ sở nhận ra các biến quan sát có hệ số truyền tải (factor loading) lớn ở cùng một nhân tố. Các nhân tố này có

Hình 1: Mô hình nghiên cứu ban đầu



(Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất)

Bảng 1: Kiểm định KMO

KMO and Bartlett's Test			
Kaiser Meyer Olkin Measure of Sampling Adequacy.			.890
Bartlett's Sphericity	Test of	Approx. Chi Square	7017.451
	df		528
	Sig.		.000

(Nguồn: Nhóm tác giả phân tích, tổng hợp 2020)

thể giải thích bằng các biến có hệ số lớn đối với bản thân nó. Trong ma trận nhân tố phân tích EFA (lần 5), ta có 8 nhân tố tập hợp các biến quan sát từ các thành phần, trong đó các biến quan sát như MT01, GV07, MT04, SV04: có hệ số truyền tải thấp nên bị loại khỏi mô hình (Bảng 2, trang 25).

Từ 7 nhân tố ở mô hình ban đầu, sau khi chạy ma trận đã xoay trong kết quả EFA (lần 5) ta nhóm và đặt tên 8 nhân tố của mô hình hiệu chỉnh như sau: X_1 : Quản lý đào tạo, X_2 : Điều kiện học tập, X_3 : Yếu tố xã hội, X_4 : Gia đình, X_5 : Chương trình đào tạo, X_6 : Sinh viên, X_7 : Môi trường học tập, X_8 : Giảng viên (Hình 2, trang 25).

Sau khi có mô hình nghiên cứu hiệu chỉnh. Nhóm tác giả tiến hành phân tích hồi quy. Kết quả phân tích hồi quy (Bảng 3, trang 26).

Bảng 3 cho thấy, yếu tố xã hội có Sig 0,269 > 0,05 nên không có ý nghĩa thống kê, vì vậy ta có phương trình hồi quy như sau:

Động lực học tập = 0,195 * Quan ly dao tao + 0,092 * Dieu kien hoc tap + 0,399 * Gia dinh + 0,247 * Chuong trinh dao tao + 0,357 * Sinh vien + 0,231 * Moi truong hoc tap + 0,123 * Giang vien + ϵ

5. Kết luận và kiến nghị

Kết quả phân tích mô hình hồi quy bội cho thấy, nhân tố xã hội có Sig 0,269 > 0,05 nên không có ý nghĩa thống kê, còn lại 7 nhân tố chính ảnh hưởng đến

động lực học tập của sinh viên gồm: (1) Quản lý đào tạo; (2) Điều kiện học tập; (3) Gia đình; (4) Chương trình đào tạo; (5) Bản thân sinh viên; (6) Môi trường học tập; (7) Giảng viên. Trong đó, có 4 nhân tố tác động mạnh nhất đến Động lực học tập của sinh viên lần lượt là nhân tố Gia đình với hệ số Beta là 0,399, nhân tố Bản thân sinh viên với hệ số Beta là 0,357, nhân tố Chương trình đào tạo với hệ số Beta 0,247 và nhân tố Môi trường học tập với hệ số Beta 0,231. Các yếu tố ảnh hưởng yếu nhất đến Động lực học tập sinh viên là yếu tố Quản lý đào tạo, Giảng viên và Điều kiện học tập.

Từ nghiên cứu này tác giả đề xuất các giải pháp như sau:

Về nhân tố Quản lý đào tạo và Chương trình đào tạo: Cần điều chỉnh giảm bớt các môn học không liên quan chặt chẽ đến ngành học và thay vào đó là các môn học bắt kịp với xu thế hội nhập, chuẩn mực kế toán quốc tế. Bên cạnh đó, việc xây dựng chương trình đào tạo cần có một tỷ lệ nhất định các môn học, học phần kết hợp tham quan thực tế doanh nghiệp đảm bảo việc cân bằng giữa lý thuyết và thực hành giúp sinh viên có cơ hội, điều kiện áp dụng những kiến thức đã học vào đời sống thực tế để sinh viên có những điều chỉnh theo hướng tích cực nhằm thay đổi bản thân, nâng cao kết quả học tập.

Về nhân tố Môi trường học tập và Điều kiện học tập: Cần cải tiến các cơ sở vật chất cả về số lượng và chất lượng, thường xuyên bảo trì, nâng cấp nhằm đảm bảo điều kiện học tập tốt nhất cho sinh viên, chú trọng xây dựng các phòng mô phỏng, thí nghiệm, thực hành hiện đại bắt kịp xu hướng giúp các em phát huy khả năng sáng tạo và làm quen với các thiết bị, phần mềm thực tế sẽ sử dụng khi ra trường.

Về nhân tố Giảng viên: Cần sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy khơi nguồn cảm hứng trong sinh viên, đặc biệt là các môn học đầu tiên của chuyên ngành như: Nguyên lý Kế toán, Kế toán Tài chính phần 1. Một số giảng viên ngoài việc hướng dẫn lý thuyết trên lớp còn kết hợp tạo ô chữ, tình huống, gameshow cho môn học, thu hút sự quan tâm và tạo động lực học tập trong sinh viên. Bên cạnh đó, giảng viên và nhà trường cũng cần quan tâm đến các hình thức khen thưởng, động viên sinh viên như giấy khen hay điểm cộng cho từng môn học tạo động lực học tập cho sinh viên.

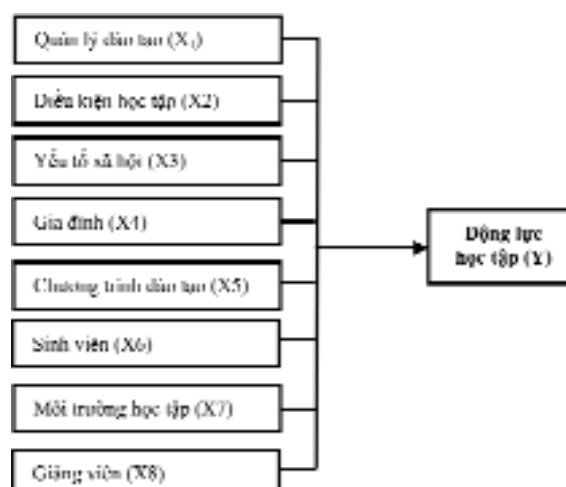
Về nhân tố Gia đình: Theo nhiều khảo sát cho thấy, phụ huynh có thể trở thành những người truyền động lực tích cực, với các nguyên tắc đúng cách giúp niềm cảm hứng học tập ở sinh viên được khơi dậy mạnh mẽ như: không tạo áp lực điểm số, quan tâm cảm xúc và suy nghĩ của con, trân trọng sự cố gắng và thành tích của con, cùng học với con, tìm kiếm môi trường học tập giáo dục phù hợp với con.

Bảng 2: Kết quả phân tích EFA (lần 5)

Rotated Component Matrix ^a								
	Component							
	1	2	3	4	5	6	7	8
QL05	.760							
QL06	.713							
QL09	.712							
QL04	.701							
QL02	.608							
QT01	.564							
DK02		.740						
DK03		.719						
DK04		.661						
DK05		.618						
DK01		.623						
DK06		.527						
GV03			.712					
GV01			.718					
GV02			.655					
GV04			.618					
GV05			.578					
GV06			.568					
HD02				.802				
HD03				.784				
HD04				.727				
HD01				.717				
CT03					.792			
CT02					.698			
CT01					.611			
CT04					.605			
SV06						.727		
SV05						.725		
SV02						.546		
MT03							.788	
MT02							.770	
SV01								.775
SV03								.608

Extraction Method: Principal Component Analysis.
Rotation Method: Varimax with Kaiser Normalization
a. Rotation converged in 8 iterations.

Hình 2: Mô hình nghiên cứu hiệu chỉnh



(Nguồn: Nhóm tác giả phân tích, tổng hợp 2020)

Về nhân tố Sinh viên: Cần rèn luyện tích cực hơn, chủ động học tập hơn nữa. Mạnh dạn nêu lên những đóng góp, ý kiến, thắc mắc trong quá trình học của bản thân để kịp thời được giải đáp và cần tham khảo phương pháp học tập từ các anh chị xuất sắc khóa trước, để có thể lựa chọn được phương pháp học tập hiệu quả qua việc có động lực học tập, mục tiêu phấn đấu cho riêng mình. ■

Bảng 3: Kết quả phân tích hồi quy

Coefficients ^a					
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	Sig.
		B	Std. Error	Beta	
1	(Constant)	.006	.053		.917
	Quan lý dân tạo	.193	.053	.195	.000
	Điều kiện học tập	.091	.053	.092	.006
	Yếu tố xã hội	.036	.053	.037	.269
	Gia đình	.396	.053	.399	.000
	Chương trình đào tạo	.245	.053	.247	.000
	Sinh viên	.354	.053	.357	.000
	Môi trường học tập	.229	.053	.231	.000
	Giảng viên	.122	.053	.123	.000

a. Dependent Variable: Động lực học tập

Tài liệu tham khảo

[1] Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. NXB Hồng Đức.

[2] Ths. Trịnh Xuân Hưng; Ths. Trần Nam Trung (2018) – “Phương pháp

giảng dạy các môn học thực hành ngành kế toán nhằm đạt được hiệu quả cao nhất tại trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh”, *Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường*.

[3] Ths. Trịnh Xuân Hưng, Ths. Trần Nam Trung. *Nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả học tập các môn thực hành tại Hutech*. *Tạp chí Tài chính*, Kỳ 1 tháng 9/2018, Trang 107.

(Nguồn: Nhóm tác giả phân tích, tổng hợp 2020)

Gian lận và các kỹ thuật thực hiện gian lận đối với khoản mục doanh thu được kế toán theo IFRS

 **TS. Lê Vũ Ngọc Thanh***
Ths. Hoàng Trọng Hiệp**

Nhận: 02/12/2020
Biên tập: 12/12/2020
Duyệt đăng: 22/12/2020

Các vụ sụp đổ hoặc bê bối của các tập đoàn trên thế giới gần đây, thường gắn liền với chiêu trò gian lận có liên quan đến báo cáo tài chính. Ví dụ, Tập đoàn Toshiba (2015) khai khổng lợi nhuận 1,2 triệu USD trong vòng 7 năm, từ năm 2008; Công ty Luckin Coffee (2019) của Trung Quốc khai khổng doanh thu hơn 300 triệu USD. Tập đoàn Steinhoff International Holdings NV (2019) của Nam Phi khai khổng hàng triệu USD doanh thu bằng cách tạo ra các giao dịch giả,...

Những điều này đã làm cho thị trường lo lắng. Nhiều bài và nghiên cứu đã được đưa ra không chỉ bởi các học giả lớn và các hội nghề nghiệp, mà còn bởi các nhà lập pháp ở một số quốc gia. Những bài viết quan trọng cần phải kể đến như “Independence review of the Financial Reporting Council” được thực hiện bởi Donald Brydon năm 2019, “Fraud Thermatic review” được thực hiện bởi Hội đồng Giải trình trách nhiệm cho công chúng Canada. Hoặc tại Nhật Bản, Hội đồng Kế toán doanh nghiệp đã bổ sung thêm một chuẩn mực kiểm toán mới “Chỉ ra rủi ro gian lận trong kiểm toán”. Tuy nhiên, tại Việt Nam, chưa có một sự quan tâm đáng kể đến lĩnh vực này từ các nhà nghiên cứu, thị trường cũng như bởi các cơ quan lập pháp. Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) đã được một số doanh nghiệp Việt Nam áp dụng và theo Đề án Áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế, từ sau năm 2025, các doanh nghiệp niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn đã lập báo cáo tài chính. Vì vậy, việc nhận biết các kỹ thuật gian lận trên báo cáo tài chính, đặc biệt là doanh thu khi các đơn vị, tổ chức kinh tế áp dụng IFRS là rất cần thiết.

Khái quát về gian lận trên báo cáo tài chính

Thông tin tài chính đóng vai trò quan trọng, giúp các nhà đầu tư trên thị trường vốn ra các quyết định kinh tế. Gian lận trên báo cáo tài chính (BCTC) là việc cố ý tạo ra các sai lệch trên BCTC có khả năng làm cho nhà đầu tư ra các quyết định sai lầm, khi dựa vào các thông tin này. Gian lận và hành vi chi phối thu nhập đều ảnh hưởng đến tình hình tài chính năm hiện tại, các năm tương lai và ảnh hưởng đến người sử dụng BCTC. Tuy nhiên, hai hành vi này về bản chất là khác nhau.

Cụ thể, gian lận là các hành vi cố ý làm sai các nguyên tắc kế toán, có thể bỏ sót, ghi thêm hoặc thuyết minh sai lệch các thông tin tài chính. Hành vi chi phối thu nhập không vi phạm các nguyên tắc kế toán. Đơn vị lợi dụng các chính sách kế toán hoặc thông qua việc

*** Đại học Kinh tế TP.HCM**
**** Hội Kế toán TP.HCM**